

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **179/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: **24/6/2020.**

V/v tranh chấp: **xin ly hôn.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Trương Ngươn**

2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Ngọc Ngân**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên Tòa: ông **Nguyễn Văn Quý** - Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 06 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/2/2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/05/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/06/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **HUỲNH THỊ GIANG T** – sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang.

2. Bị đơn: **LÊ HOÀNG H** – sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang.

(Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Giang T trình bày: chị và anh Lê Hoàng H cưới nhau vào năm 2000, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ năm 2004. Sau khi cưới chị và anh H sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H cờ bạc còn quan hệ với người phụ nữ khác, nên chị và anh H sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lê Huỳnh Anh T - sinh ngày 11/05/2001 và cháu Lê Văn K - sinh ngày 07/8/2008. Hiện cháu T đã trưởng thành, còn cháu K đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Lê Hoàng H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Giang T xin vắng mặt.

Bị đơn anh Lê Hoàng H vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Giang T; về con chung: giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Văn K - sinh ngày 07/8/2008 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi lao động được, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu T đã trưởng thành nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

[1] Xét nguyên đơn chị Huỳnh Thị Giang T có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T.

[2] Xét bị đơn anh Lê Hoàng H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh H.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Giang T là có cơ sở. Vì chị Huỳnh Thị Giang T và anh Lê Hoàng H cưới nhau vào năm 2000, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ số 322 ngày 13/08/2004. Chị T và anh H sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H cờ bạc dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị T và anh H sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay, mà giữa chị T, anh H vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể

hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Văn K - sinh ngày 07/8/2008. Xét yêu cầu này của chị T phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu K nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với cháu Lê Huỳnh Anh T - sinh ngày 11/05/2001 hiện đã trưởng thành nên không xem xét.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: không có.

[7] Về nợ chung: không có

[8] Về án phí: do chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 179, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Giang T.

Chị Huỳnh Thị Giang T được ly hôn với anh Lê Hoàng H.

- Về con chung: giao cho chị Huỳnh Thị Giang T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Văn K - sinh ngày 07/8/2008 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Lê Hoàng H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Hoàng H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về án phí: chị Huỳnh Thị Giang T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0016343 ngày 19/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy chị T đã nộp xong án phí.

Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Đồng Thạnh
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh